

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 01-4-2021

V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và  
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đắc Thắng.

Ông Võ Văn Kiệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 và ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn K, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Ông Hoàng Thanh Đ – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Anh Võ Văn V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Võ Thị T3, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Võ Thị U, sinh năm 1987.

+ Cháu Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 25/9/2010.

+ Cháu Võ Quyên C, sinh ngày 28/7/2015.

Đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu C: Anh Võ Văn V, sinh năm 1985 và chị Võ Thị U, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự và ông Đ có mặt tại phiên tòa ngày 26/3/2021, ông Đ có đơn xin vắng mặt khi tuyên án).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Văn K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Hoàng Thanh Đ trình bày:*

Bà P và chồng bà P là ông Võ Văn T (sinh năm 1938, chết ngày 05/7/2014) có khai hoang phần đất tại ấp C 2, xã P từ trước năm 1975. Vợ chồng bà P có 09 người con gồm: Võ Thị P, Võ Văn K, Võ Thị T1, Võ Thị T2, Võ Văn S, Võ Thị C, Võ Thị T3, Võ Thị B và Võ Văn V. Ngày 05/10/2011, ông T và bà P lập di chúc phân chia ruộng đất cho các người con. Riêng phần ruộng trên mương và 60 sào đầm để lại cho vợ chồng bà, khi nào vợ chồng bà chết hết thì anh V được lãnh phần hương quả để cúng giỗ.

Phần đất bà P đang tranh chấp với anh V là đất ngoài đê có diện tích 9.343m<sup>2</sup>, thuộc phần đất mà vợ chồng bà chưa phân chia cho các con nêu trên. Phần đất này thuộc thửa 820, trước đây hộ ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/6/1997. Tuy nhiên, do chính sách về đất đai có thay đổi, thửa đất 820 đã bị thu hồi thay vào đó hộ ông T chỉ được thuê mà không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 25/11/2011, bà P và ông T có cho ông Huỳnh Văn P thuê một phần diện tích 7.500m<sup>2</sup> trong tổng số 9.343m<sup>2</sup> này, thời hạn thuê là 05 năm từ ngày 25/11/2011 đến ngày 25/11/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng với ông P, năm 2014, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông đối với đất bãi bồi ven sông thuộc xã P, huyện Tân Phú Đông, do đất bãi bồi thuộc quản lý của Nhà nước nên bà P đã ký hợp đồng thuê đất bãi bồi của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông từ năm 2014 với diện tích 9.343m<sup>2</sup> cho đến nay. Ngày 25/11/2016, khi hết hợp đồng thuê, thời điểm này ông T đã chết, ông P trả đất cho bà P nhưng anh V lại chiếm giữ đất không giao cho bà P quản lý, sử dụng. Nay, Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông có chủ trương cấp giấy chứng nhận cho phần đất 9.343m<sup>2</sup> nêu trên cho bà P nhưng anh V không cho tiến hành đo đạc để làm thủ tục.

Ngoài ra, năm 2015, bà P có chuyển nhượng cho anh V một phần đất khác trong đê cũng tại ấp C, phần đất có diện tích 1.000m<sup>2</sup> với giá là 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh V chỉ trả cho bà P 5.000.000 đồng và nhận đất canh tác,

trong khi đó anh V không trả số tiền còn lại 20.000.000 đồng cho bà P.

Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu anh V trả cho bà P phần đất ngoài đê với diện tích 9.343m<sup>2</sup>, phần đất trong đê với diện tích 1.000m<sup>2</sup>, bà P sẽ trả lại cho anh V số tiền 5.000.000 đồng đã nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/02/2020, bà P có đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến yêu cầu buộc anh V trả diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất.

*Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh Võ Văn V trình bày:*

Anh V thống nhất lời trình bày của bà P về nội dung Tờ di chúc ngày 05/10/2011, tuy nhiên đối với đoạn cuối trong Tờ di chúc do bà P cung cấp anh V không thừa nhận việc chuyển nhượng đất cho bà T3. Bởi vì bản chính Tờ di chúc của ông T, bà P sau khi lập ngày 05/10/2011 do anh cất giữ, không có đoạn viết thêm vào. Hiện tại Tờ di chúc đã bị mối ăn và không còn. Phần đất đang tranh chấp nằm trong phần đất ông T, bà P xác định để làm hương quả được nêu trong Tờ di chúc. Phần đất này hiện tại do anh V đang quản lý, sử dụng, một phần là đất đầm, một phần có căn nhà anh V, chị U và hai con anh chị đang quản lý, sử dụng.

Năm 2011, ông T và bà P cho anh Huỳnh Văn P thuê phần đất. Tuy nhiên, đến năm 2016, khi hết hạn hợp đồng, anh P trả lại đất cho bà P, bà P đòi chuyển nhượng, anh V không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp. Ngày 15/6/2018, khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh, bà P đồng ý giao phần đất 9.343m<sup>2</sup> cho anh V quản lý, sử dụng, mỗi năm anh V sẽ cấp dưỡng nuôi bà P 10.000.000 đồng. Do đó, nay phần đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh V bởi vì bà P đã giao cho anh. Anh V yêu cầu bà P thực hiện đúng nội dung biên bản hòa giải ngày 15/6/2018, anh V không đồng ý trả đất cho bà P.

Ngoài ra, trong quá trình tố tụng, anh V yêu cầu chia thừa kế đối với toàn bộ phần đất của ông T. Tuy nhiên, anh V không làm thủ tục phản tố trong vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị T3 và chị Võ Thị U vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của bà P – ông Võ Văn K giữ nguyên yêu cầu của bà P về việc yêu cầu anh V trả diện tích đất 9.343m<sup>2</sup>. Đồng thời xác nhận việc bà P rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh V trả lại phần đất nhận chuyển nhượng 1.000m<sup>2</sup>.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P – ông Hoàng Thanh Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P. Bởi vì theo Văn bản số 318/TNMT ngày 30/6/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Phú Đông và Văn bản số 1548/UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông đã nêu rõ ngày 01/10/2019, Ủy ban nhân dân

huyện Tân Phú Đông ban hành Công văn số 1450/UBND về thống nhất phê duyệt kết quả họp Hội đồng thẩm định xử lý đất công, trong đó thống nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Võ Văn T với thành viên trong hộ. Theo đó, phần đất 9.343m<sup>2</sup>, thuộc thửa 820 sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà P. Do đó, việc bà P yêu cầu anh V trả lại diện tích 9.343m<sup>2</sup> là có cơ sở, trả là trả cho bà P quản lý, sử dụng, không phải trả để bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn anh Võ Văn V thay đổi một phần ý kiến trình bày, anh vẫn không đồng ý trả đất cho bà P nhưng mỗi năm anh sẽ cấp dưỡng nuôi bà P 12.000.000 đồng thay vì 10.000.000 đồng như lời trình bày trước đây. Đồng thời nộp Đơn xin xác nhận của Công an xã Phú Thạnh về việc chị Võ Thị T3 không còn tên trong sổ hộ khẩu của bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị T3 thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà P. Ngoài ra, chị T3 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị U thống nhất với lời trình bày của anh V. Ngoài ra, chị U không có ý kiến hay yêu cầu gì khác trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Văn bản số 318/TNMT ngày 30/6/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Phú Đông và Văn bản số 1548/UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc buộc anh V trả phần đất diện tích 9.343m<sup>2</sup>. Đồng thời đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà P về việc buộc anh V trả 1.000m<sup>2</sup> đất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *“Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại khoản 3 và khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu triệu tập người làm chứng: Tại phiên tòa, ông Hoàng Thanh Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P yêu cầu triệu tập và lấy lời khai người làm chứng là bà Bùi Thị Kim T – Trưởng

ấp C, xã P liên quan đến tài liệu là “Tờ bán ruộng cho con gái út ngày 18/5/2013”. Tuy nhiên, ông K, anh V, chị Tiên đều thống nhất phần đất bà P chuyển nhượng cho chị T3 không liên quan đến phần đất mà bà P và anh V đang tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc triệu tập và lấy lời khai của bà T là không cần thiết và không liên quan đến nội dung các bên đang tranh chấp.

[3] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ngày 09/7/2020, bà P có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là “Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp”. Ngày 10/7/2020, Tòa án đã tiến hành xác minh sự việc. Kết quả xác minh cho thấy, phần đất bà P đang tranh chấp với anh V tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang hiện đang do anh V quản lý. Hiện tại mặt trước phần đất (phía Bắc) tiếp giáp với đường đê có một đoạn hàng rào lưới B40 dài 48m, trụ cây gỗ, có 03 trụ bê tông. Hàng rào đã rào xong toàn bộ chiều dài 48m. Ngày 10/7/2020, Tòa án ra Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2020/QĐ-BPBD, buộc bà P phải gửi tài sản bảo đảm có giá trị 50.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tân Phú Đông trong thời hạn 02 ngày làm việc. Bà P không gửi tài sản bảo đảm theo quyết định của Tòa án. Do đó, Tòa án không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và thông báo đến Phòng được biết. Đến ngày 20/8/2020, bà Huỳnh Thị P nộp cho Tòa án Giấy nộp tiền đối với số tiền 50.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tân Phú Đông. Qua kết quả làm việc tại Tòa án ngày 21/8/2020, bà P xác định bà xin rút lại yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và xin được nhận lại số tiền đã nộp. Tòa án đã ra Thông báo số 44/TB-TA ngày 21/8/2020 để hoàn trả tài sản bảo đảm cho bà P do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P:

[4.1] Về yêu cầu anh V trả lại phần đất có diện tích 9.343m<sup>2</sup>: Mặc dù, bản chính Tờ di chúc ngày 05/10/2011 anh V trình bày không còn cất giữ nhưng cả bà P và anh V đều thống nhất phần đất hai bên đang tranh chấp trước đây do ông T và bà P chưa phân chia cho ai và xác định dùng để làm đất hương quả. Năm 2016, anh V và bà P phát sinh tranh chấp trong việc định đoạt phần đất, bà P muốn chuyển nhượng nhưng anh V không đồng ý. Dựa trên lời trình bày của các bên và các tài liệu, chứng cứ thu thập được Hội đồng xét xử nhận thấy phần đất các bên đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Theo Văn bản số 318/TNMT ngày 30/6/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Phú Đông và Văn bản số 1548/UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông thì phần đất bà P và anh V đang tranh chấp thuộc thửa 820, có nguồn gốc từ hộ ông Võ Văn T quản lý, sử dụng ổn định từ trước năm 1975. Đến ngày 15/6/1997, được Ủy ban nhân dân huyện

Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 425. Ngày 23/10/2007, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã bị thu hồi theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây với lý do đất bãi bồi ven sông. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật đất đai hiện hành thì thửa đất 820 đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do không thuộc đất bãi bồi ven sông hay đất rừng. Ngày 01/10/2019, Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông ban hành Công văn số 1450/UBND về thống nhất phê duyệt kết quả họp Hội đồng thẩm định xử lý đất công, trong đó thống nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Võ Văn T với thành viên trong hộ. Phần đất 9.343m<sup>2</sup> hai bên đang tranh chấp được xác định chủ trương cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Huỳnh Thị P theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, điểm a, d khoản 1 và điểm a khoản 5 điều 20, khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Theo xác nhận thành viên trong sổ hộ khẩu của Công an xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông đối với hộ bà Huỳnh Thị P và Đơn xác nhận anh V cung cấp tại phiên tòa thì thành viên hộ bà P: Tại thời điểm ông T, bà P lập Tờ di chúc gồm có ông T, bà P, anh V, chị T3, chị U và cháu H; Tại thời điểm ông T chết gồm có bà P, anh V, chị U và cháu H; Hiện tại gồm bà P, anh V, chị U, cháu H và cháu C. Mặc dù, thành viên trong hộ có thay đổi theo từng thời điểm nhưng có thể thấy rằng, dù ở thời điểm nào trong 03 thời điểm trên thì bà P và anh V đều là thành viên trong hộ của nhau. Theo quy định tại Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013 về quyền và nghĩa vụ của chủ thể sử dụng đất là hộ gia đình và các quy định về sở hữu chung tại Điều 208, Điều 216, Điều 217, Điều 218 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà P và anh V có quyền ngang nhau trong quá trình quản lý, sử dụng đối với phần đất 9.343m<sup>2</sup>, thửa 820. Do đó, việc bà P yêu cầu anh V trả cho bà phần đất này hay chỉ trả để quản lý, sử dụng theo đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P là không có cơ sở không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do các bên không tranh chấp về nội dung thừa kế của ông Võ Văn T, Tòa án không đưa những người thừa kế khác của ông T vào tham gia tố tụng, mặt khác các bên không tranh chấp về nội dung phân chia quyền sử dụng đất trong hộ nên nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[4.2] Về yêu cầu trả lại phần đất theo hợp đồng chuyển nhượng: Theo Đơn khởi kiện, bà P có 02 yêu cầu. Tuy nhiên, đến ngày 21/02/2020, bà P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh V trả diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà P là tự nguyện do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà P theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông K là người đại diện theo ủy quyền không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà P không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà P là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận phần có cơ sở.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, việc buộc anh V trả đất cho bà P là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 và khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 208, Điều 216, Điều 217, Điều 218 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P về việc buộc anh Võ Văn V trả lại cho bà P phần đất có diện tích 9.343m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất 820, đất tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P về việc buộc anh Võ Văn V trả lại bà P phần đất mà bà đã chuyển nhượng cho anh V có diện tích 1.000m<sup>2</sup>, đất tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Án phí: Bà Huỳnh Thị P được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 01/4/2021, có mặt ông K, các đương sự khác và ông Đ vắng mặt.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**